TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 -VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **47**/2025/QĐST-DS

Vĩnh Long, ngày 11 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 03 tháng 9 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 388/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Bà Trần Thị H**, sinh ngày 01/01/1964

Căn cước công dân số: 083164013642, cấp ngày 11/8/2021.

Địa chỉ: Ấp B, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bà H: **Anh Phạm Quang H,** sinh ngày 30/12/1980. Căn cước công dân số: 083080009481, cấp ngày 04/10/2022. Địa chỉ: Ấp K, xã T, tỉnh Vĩnh Long, là đại diện theo ủy quyền của bà H. (Văn bản ủy quyền ngày 27 tháng 4 năm 2023).

- *Bị đơn:* **Bà Phạm THị D**, sinh ngày 22/10/1970

Căn cước công dân số: 083170002630, cấp ngày 02/5/2021.

Địa chỉ: Ấp Phú T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phạm Thành L, sinh năm 1955

2. Bà Trần Thị D (vợ ông L), sinh năm 1957

3. Anh Phạm TRần Đăng K, sinh năm 1995 (Con ông Lợi)

Cùng địa chỉ: Ấp Phú T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

4. Ông Nguyễn Văn Thành L, sinh năm 1938

Căn cước công dân số: 083038000162, cấp ngày 25/4/2021.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của ông Lân: **Chị Nguyễn Thị Ngọc L,** sinh ngày 21/4/1968. Căn cước công dân số: 083168002766, cấp ngày 10/5/2021. Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long, là đại diện theo ủy quyền của ông L. (Văn bản ủy quyền ngày 17 tháng 02 năm 2025).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ghi nhận sự việc chủ đất giáp ranh liền kề là ông Nguyễn Văn Thành L, ông Phạm Thành L, bà Trần Thị D, anh Phạm TRần Đăng K thống nhất với bà Trần Thị H, bà Phạm THị D về đường ranh giữa thửa 61, 410, tờ bản đồ số 10 với phần đất tranh chấp tại thửa 437, tờ bản đồ số 10 xã Phú Thuận là đường ranh theo hiện trạng thực tế các bên đã sử dụng, nên thửa 437, tờ bản đồ số 10 được thể hiện theo các điểm A, B, C, D, E, F, A gồm các thửa: 437-1, 437-2, 61-1, 61-2 có tổng diện tích là 123,2m^2.

2.2. Bà Trần Thị H và bà Phạm THị D cùng đồng ý thống nhất thỏa thuận tách ra làm 02 phần diện tích đất tại thửa 437, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã Phú Thuận do ông Trần Văn H và bà Phạm THị D cùng đứng tên đồng sử dụng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CE 620533 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 26/10/2016. Phần diện tích đất của ông Trần Văn H sau khi được chia tách, sẽ được chia thừa kế theo di chúc do ông Trần Văn H để lại cho bà Trần Thị H, cụ thể như sau:

2.2.1. Phần diện tích đất của bà Phạm THị D được tách có tổng diện tích 61,6m^2 gồm: Thửa 437-1, tờ bản đồ số 10 có diện tích 48,4m^2; thửa 61-1, tờ bản đồ số 10 có diện tích 13,2m^2 được thể hiện theo các điểm A, B, C', I', F', A với bề ngang mặt tiền là 4m. Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn.

Thực tế bà Phạm THị D đang quản lý, sử dụng phần đất này. Phần đất có tứ cận như sau:

+ Phía Bắc giáp thửa 61, tờ bản đồ số 10;

+ Phía Nam giáp phần còn lại thửa 437, tờ bản đồ số 10 (thửa 437-2);

+ Phía Đông giáp thửa 61, tờ bản đồ số 10;

+ Phía Tây giáp đường vào Ủy ban nhân dân xã Phú Thuận.

2.2.2. Phần diện tích đất của ông Trần Văn H được tách có tổng diện tích 61,6m^2 gồm: Thửa 437-2, tờ bản đồ số 10 có diện tích 60,2m^2; thửa 61-2, tờ bản đồ số 10 có diện tích 1,4m^2, được thể hiện theo các điểm F', I', C', C, D, E, F' với bề ngang mặt tiền là 4m. Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn. Và phần diện tích đất được tách của ông Trần Văn H nêu trên sẽ được chia thừa kế theo di chúc ngày 29/11/2016 cho bà Trần Thị H.

Nên bà Trần Thị H được nhận thừa kế theo di chúc có diện tích 61,6m^2 gồm: Thửa 437-2, tờ bản đồ số 10 có diện tích 60,2m^2; thửa 61-2, tờ bản đồ số 10 có diện tích 1,4m^2, với bề ngang mặt tiền là 4m. Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn.

Thực tế bà Trần Thị H đang quản lý, sử dụng phần đất này. Phần đất có tứ cận như sau:

+ Phía Bắc giáp phần còn lại thửa 437, tờ bản đồ số 10 (thửa 437-1);

+ Phía Nam giáp thửa 410, tờ bản đồ số 10;

+ Phía Đông giáp thửa 61, tờ bản đồ số 10;

+ Phía Tây giáp đường vào Ủy ban nhân dân xã Phú Thuận.

(Có họa đồ hiện trạng sử dụng đất thửa 437, tờ bản đồ số 10, xã Phú Thuận, ngày 24/4/2025 và họa đồ hiện trạng sử dụng đất vẽ dự kiến ngày 06/8/2025 kèm theo).

2.3. Bà Trần Thị H và bà Phạm THị D có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục yêu cầu cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho các bà đối với phần đất có diện tích và tứ cận nêu trên theo quy định của pháp luật.

2.4. Kiến nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền lập thủ tục cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị H và bà Phạm THị D đối với phần đất có diện tích và tứ cận nêu trên và chỉnh lý biến động theo quy định đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 620533 cấp cho ông Trần Văn H và bà Phạm THị D cùng đứng tên đồng sử dụng đất tại thửa 437, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã Phú Thuận, theo số vào sổ cấp GCN: CS02249 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 26/10/2016 khi bà Trần Thị H và bà Phạm THị D có yêu cầu.

2.5. Bà Trần Thị H và bà Phạm THị D thống nhất thỏa thuận bà Trần Thị H sẽ có nghĩa vụ chịu toàn bộ chi phí làm thủ tục cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị H và bà Phạm THị D.

2.6. Về chi phí tố tụng:

Bà Trần Thị H tự nguyện chịu toàn bộ là 6.970.350 đồng (Sáu triệu, chín trăm bảy mươi nghìn, ba trăm năm mươi đồng). Thực tế đã nộp xong.

2.7. *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

2.7.1. Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch:

Bà Phạm THị D phải chịu là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

2.7.2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Trần Thị H phải chịu là 5.197.500 đồng (Năm triệu, một trăm chín mươi bảy nghìn, năm trăm đồng) nhưng bà H được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (do bà thuộc trường hợp người cao tuổi).

2.7.3. Bà Trần Thị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 đồng (Một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000603 ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre

(nay là phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long).

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 8 - Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 8 - Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên